

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2023.
V/v: Ly hôn giữa chị D và anh
T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị LTD, sinh năm 1986.

Trú tại: Bản PY, xã CH, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh LVT, sinh năm 1990.

Trú tại: Bản PY, xã CH, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách, xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Trọng Dương – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTD trình bày:

Chị và anh LVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 10/03/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVT không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTD xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVT.

Về con chung: Có ba con là LTH, sinh ngày 15/4/2009, LTH, sinh ngày 30/11/2011, LPH, sinh ngày 15/9/2015. Chị xin được nuôi dưỡng hai cháu gái, để anh LVT nuôi con trai, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị LTD công nhận nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường La số tiền 30.000.000, đồng do chị để lại toàn bộ tài sản cho anh LVT, nên anh LVT là người trả nợ.

Bị đơn anh LVT từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu có trong hồ sơ, xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTD và anh LVT. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTD. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được và anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có ba con là LTH, sinh ngày 15/4/2009, LTH, sinh ngày 30/11/2011, LPH, sinh ngày 15/9/2015. Chị xin được nuôi dưỡng hai cháu gái, để anh LVT nuôi con trai, anh đồng ý, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường La số tiền 30.000.000, đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách, xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La trình bày:

Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 1600087471, ngày 22/12/2016 Ngân hàng cho gia đình chị LTD và anh LVT vay theo chương trình hộ nghèo, số tiền gốc vay là 30.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu anh LVT là người có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 30.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ đề xử cho chị LTD được ly hôn anh LVT.

Con chung: Giao cho chị LTD trực tiếp nuôi dưỡng cháu LTH, sinh ngày 15/4/2009, LTH, sinh ngày 30/11/2011. Anh LVT trực tiếp nuôi dưỡng cháu LPH, sinh ngày 15/9/2015, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh LVT có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La: Khoản vay ngày 22/12/2016 số tiền vay gốc 30.000.000, đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh.

Chị LTD chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LVT sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyện vọng, đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã CH, huyện Mường La và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh LVT.

Nguyên đơn chị LTD, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách, xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La đều có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTD và anh LVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh LVT không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTD và anh LVT đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTD yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTD được ly hôn anh LVT.

[3] Về con chung: Có ba con là LTH, sinh ngày 15/4/2009, LTH, sinh ngày 30/11/2011, LPH, sinh ngày 15/9/2015. Chị xin được nuôi dưỡng hai cháu gái, để anh LVT nuôi con trai, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào nguyện vọng của hai con gái muốn ở với mẹ và con trai muốn ở với bố. Cần chấp nhận giao hai cháu LTH, LTH cho chị LTD trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu LPH cho anh LVT trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La được xác định là khoản vay nợ về xây dựng gia đình nằm trong chương trình hỗ trợ hộ nghèo. Hiện xác định anh LVT nhất trí thanh toán trả nợ, đồng thời đại diện Ngân hàng cũng có yêu cầu anh LVT là người có trách nhiệm trả nợ gốc là 30.000.000, đồng và lãi phát sinh. Theo quy định Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận anh LVT có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La số tiền vay gốc là 30.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Chị LTD đã được giải thích thủ tục miễn án phí, nhưng chị không cần miễn án phí. Chị LTD chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị LTD được ly hôn anh LVT.

2. Về con chung: Giao cho chị LTD trực tiếp nuôi dưỡng cháu LTH, sinh ngày 15/4/2009, LTH, sinh ngày 30/11/2011. Anh LVT trực tiếp nuôi dưỡng cháu LPH, sinh ngày 15/9/2015, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Anh LVT có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La: Khoản vay ngày 22/12/2016 số tiền vay gốc 30.000.000, đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh. Theo sổ vay vốn mã khách hàng 1600087471.

5. Về án phí: Chị LTD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003360 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị LTD, anh LVT, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mường La được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Tạ Bú, huyện Mường La (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (3);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN MINH TUÂN